

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 264 /BC-UBND

Long Phú, ngày 20 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019
trên địa bàn huyện Long Phú**



Căn cứ Công văn số 1699/SNV-CCHC ngày 13/8/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính.

UBND huyện Long Phú báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2019 trên địa bàn huyện Long Phú, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC

1. Ban hành các văn bản, chỉ đạo điều hành

Thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2019, UBND huyện Long Phú đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như:

- Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc sửa đổi phụ lục một số biểu mẫu ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Long Phú.

- Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2019 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019.

- Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 18/01/2019 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 trên địa bàn huyện Long Phú.

- Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 21/01/2019 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Long Phú năm 2019.

- Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 21/01/2019 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Long Phú năm 2019.

- Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 24/01/2019 về thực hiện cải cách hành chính năm 2019.

- Công văn số 35/UBND-VP ngày 24/01/2019 về việc thực hiện tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến.

- Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 15/02/2019 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

- Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 về việc bổ sung thành viên Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử huyện Long Phú.

- Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/02/2019 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2019.

- Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 18/02/2019 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Long Phú năm 2019.

- Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú kỳ 2014 - 2018.

- Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 08/3/2019 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn huyện Long Phú.

- Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 08/3/2019 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn huyện Long Phú.

- Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện Long Phú năm 2019.

- Công văn số 120/UBND-VP ngày 22/3/2019 về việc nâng cao hiệu quả trong hoạt động công vụ và chế độ hội họp.

- Công văn số 141/UBND-VP ngày 03/4/2019 về việc chấn chỉnh giải quyết trên phần mềm một cửa điện tử.

- Công văn số 189/UBND-VP ngày 26/4/2019 về việc thực hiện cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

- Công văn số 225/UBND-VP ngày 15/5/2019 về việc triển khai Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về ban hành Quy chế quản lý, sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Công văn số 356/UBND-VP ngày 10/7/2019 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 30/10/2019 về Tổ chức Hội thi cải cách hành chính huyện Long Phú năm 2019.

Bên cạnh đó, UBND huyện cũng phân công công chức phụ trách theo dõi và tham mưu cho UBND huyện thực hiện công tác CCHC, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Email/điện thoại
1. Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính				
1	Kim Hen	Chủ tịch UBND huyện	Đại học Kinh tế Nông nghiệp	0939.657.018 khen@soctrang.gov.vn

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Email/điện thoại
2. Công chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính				
1	Mai Thị Chúc Ly	Chuyên viên Phòng Nội vụ	Đại học Lưu trữ và QTVP	0909.374.627 mtcly@soctrang.gov.vn
3. Công chức phụ trách tham mưu Công nghệ thông tin				
1	Nguyễn Thị Huyền Trân	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện	Đại học Hệ thống thông tin	0932.885.583 nthtran2@soctrang.gov.vn
2	Nguyễn Văn Quang	Chuyên viên Phòng Văn hóa và Thông tin	Đại học Công nghệ thông tin	0907.007.397 nvquang2@soctrang.gov.vn
4. Công chức phụ trách một cửa				
1	Phan Thị Tố Quyên	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	Đại học Kinh tế	0814.506.757 pttquyen@soctrang.gov.vn
2	Lâm Trung Hiếu	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện	Đại học Quản lý Đất đai	0362.255.580 lthieu@soctrang.gov.vn
3	Huỳnh Thị Thùy Trang	Chuyên viên Phòng Tư pháp	Đại học Luật	0975.163.089 htttrang@soctrang.gov.vn
4	Đặng Duy Tân	Chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Đại học Xây dựng	0907.244.767 ddtan@soctrang.gov.vn

2. Tóm tắt một số nội dung trong thực hiện nhiệm vụ CCHC

2.1. Cải cách thể chế

UBND huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp tham mưu, giúp HĐND, UBND làm tốt công tác rà soát, thẩm định, kiểm tra và xử lý văn bản QPPL tại địa phương. Trong năm 2019, trên địa bàn huyện Long Phú không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai tại UBND các xã, thị trấn:

Với hiệu quả mang lại trong việc triển khai thực hiện thí điểm việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai tại 4 xã, thị trấn gồm: Thị trấn Đại Ngãi, xã Trường Khánh, xã Hậu Thạnh và xã Song Phụng, ngay từ đầu năm, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện nhân rộng việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai tại UBND cấp xã trên địa bàn huyện theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 08/11/2018. Kết quả, trong năm 2019, tiếp nhận tại xã, thị trấn 674 hồ sơ, đã giải quyết 471 hồ sơ, còn lại 194 hồ sơ còn trong hạn giải quyết, cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị	Tiếp nhận tại cấp xã					
		Số hồ sơ nhận giải quyết		Kết quả giải quyết			
				Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết	
		Tổng số mới tiếp nhận trong kỳ	Số kỳ trước chuyển qua	Tổng số	Trả đúng hạn	Tổng số	Chưa đến hạn
1	Thị trấn Đại Ngãi	23	30	38	38	15	15
2	Xã Hậu Thạnh	24	30	29	29	25	25
3	Xã Trường Khánh	45	33	45	45	24	24
4	Xã Song Phụng	17	36	43	43	10	10
5	Xã Châu Khánh	12	35	39	39	8	8
6	Xã Long Đức	44	40	62	62	22	22
7	Xã Long Phú	18	44	46	46	16	16
8	Xã Phú Hữu	17	53	42	42	28	28
9	Xã Tân Hưng	20	34	51	51	3	3
10	Xã Tân Thạnh	14	30	34	34	10	10
11	Thị trấn Long Phú	36	39	42	42	33	33
Tổng cộng		270	404	471	471	194	194

Việc tiếp nhận hồ sơ tại xã, thị trấn sẽ giảm được số lần đi từ xã đến huyện và ngược lại, cụ thể:

- Đối với hồ sơ không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (cấp đổi không thay đổi diện tích, miễn thuế, đính chính): Người sử dụng đất không phải đi đến huyện so với trước đây là phải đi đến huyện 02 lần (01 lần nộp hồ sơ và 01 lần nhận kết quả).

- Đối với hồ sơ có thực hiện nghĩa vụ tài chính: Người sử dụng đất chỉ cần đến huyện 01 lần để nộp thuế, so với trước đây là phải 03 lần đến huyện (01 lần nộp hồ sơ, 01 lần nộp thuế và 01 lần nhận kết quả).

- Đối với trường hợp hồ sơ sau khi tiếp nhận, cơ quan chuyên môn kiểm tra, thẩm định mà chưa đủ điều kiện, cần điều chỉnh, bổ sung thì người sử dụng đất giảm được số lần đến huyện chỉ còn 01 lần để nộp thuế, so với trước đây là từ 04 đến 05 lần:

+ Nếu hồ sơ không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, trước đây phải đi đến huyện 04 lần như sau: 01 lần nộp hồ sơ; 01 lần đến nhận hồ sơ về sửa đổi, bổ sung; 01 lần đến nộp lại hồ sơ và 01 lần nhận kết quả.

+ Nếu hồ sơ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, trước đây phải đi đến huyện 05 lần như sau: 01 lần nộp hồ sơ; 01 lần đến nhận hồ sơ về sửa đổi, bổ sung; 01 lần đến nộp lại hồ sơ; 01 lần đến nộp thuế và 01 lần nhận kết quả.

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4:

UBND huyện phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đã cấp phát 1.800 tờ bướm tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến đến cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện theo Công văn số 35/UBND-VP ngày 24/01/2019, với tổng số 49 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (cấp huyện có 41 TTHC mức độ 3 và 06 TTHC mức độ 4; cấp xã có 02 TTHC mức độ 3). Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo, qua kết quả rà soát và cập nhật lại dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với tổng số 48 TTHC (giảm 01 TTHC, do TTHC đã được bãi bỏ theo Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng), trong đó cấp huyện có 40 TTHC mức độ 3 và 06 TTHC mức độ 4 và cấp xã có 02 TTHC mức độ 3.

- Số lượng TTHC thực hiện: Tính đến thời điểm báo cáo, tổng số TTHC hành chính thực hiện tại huyện có 399 TTHC, trong đó cấp huyện 269 TTHC và cấp xã 124 TTHC, thực hiện cơ chế một cửa là 393 TTHC và thực hiện cơ chế một cửa liên thông 03 TTHC (thuộc cấp xã).

- Kết quả giải quyết TTHC (số liệu giải quyết được tính từ ngày 16/11/2018 đến ngày 04/11/2019): Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 73.994 hồ sơ (trong đó cấp huyện 6.551 hồ sơ, cấp xã 67.443 hồ sơ); đã giải quyết đúng hạn và trước hạn 73.467/73.994 hồ sơ đã giải quyết, đạt 99,29% (trong đó cấp huyện 6.032/6.551 hồ sơ, đạt 91,94%; cấp xã 67.432/67.443 hồ sơ, đạt 99,98%), còn lại 527 hồ sơ trong hạn đang giải quyết (trong đó cấp huyện 519 hồ sơ, cấp xã 08 hồ sơ); trễ hạn 03 hồ sơ thuộc UBND xã Song Phụng về liên thông TTHC đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, nguyên nhân là do phần mềm BHYT bị lỗi dẫn đến hồ sơ trễ hạn, UBND xã cũng đã có văn bản xin lỗi, nhưng thực tế hồ sơ này giải quyết đúng thời gian quy định. Tuy nhiên qua cập nhập số liệu giải quyết TTHC trên phần mềm một cửa có 57 hồ sơ trễ hạn (trong đó cấp

huyện có 06 hồ sơ và cấp xã 51 hồ sơ), nguyên nhân do công chức chuyên môn chưa xử lý kịp thời trên phần mềm nhưng trên thực tế hồ sơ đã giải quyết đúng hạn. Đối với hạn chế này, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn chấn chỉnh giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử theo Công văn số 141/UBND-VP ngày 03/4/2019.

- Về công khai TTHC: Toàn huyện có 24/24 đơn vị gồm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai TTHC theo quy định, đạt tỷ lệ 100%. Việc niêm yết công khai được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau như: Niêm yết bản giấy trên bảng niêm yết các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của huyện, xã và tại các cơ quan, đơn vị giải quyết TTHC; công khai TTHC trên trang thông tin điện tử huyện và trên trang mạng Internet tại địa chỉ <http://dichvucong.soctrang.gov.vn> và địa chỉ <http://motcua.longphu.soctrang.gov.vn>.

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 27/9/2018 của UBND huyện về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận một cửa) thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện Long Phú và Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc sửa đổi phụ lục một số biểu mẫu ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Long Phú. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai phần mềm một cửa điện tử đến các xã, thị trấn. Đến nay, các xã, thị trấn cơ bản đã ứng dụng được phần mềm một cửa điện tử trong giải quyết TTHC tại đơn vị.

Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích: Thực hiện Quyết định số 45/2016-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, trong năm 2019, tổng số hồ sơ đăng ký nhận trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích tại huyện là 314 hồ sơ, riêng cấp xã không phát sinh hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

- Về ban hành Quy chế phối hợp: Tiếp tục thực hiện Quy chế phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh trên địa bàn huyện theo Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 12/7/2018, trong đó có 05 TTHC thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh và 19 TTHC thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã được huyện liên thông cùng cấp với đăng ký cấp mã số thuế. Kết quả trong năm 2019, đã tiếp nhận và trả kết quả được 197/200 hồ sơ, việc thực hiện Quy chế phối hợp đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân liên hệ giải quyết TTHC, vừa giảm số lần đi lại (từ 04 lần xuống còn 01 lần), vừa rút ngắn thời gian giải quyết (từ 06 ngày xuống còn 04 ngày).

- Đối với hồ sơ không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (cấp đổi không thay đổi diện tích, miễn thuế, đính chính): Người sử dụng đất không phải đi đến huyện so với trước đây là phải đi đến huyện 02 lần (01 lần nộp hồ sơ và 01 lần nhận kết quả).

- Đối với hồ sơ có thực hiện nghĩa vụ tài chính: Người sử dụng đất chỉ cần đến huyện 01 lần để nộp thuế, so với trước đây là phải 03 lần đến huyện (01 lần nộp hồ sơ, 01 lần nộp thuế và 01 lần nhận kết quả).

- Đối với trường hợp hồ sơ sau khi tiếp nhận, cơ quan chuyên môn kiểm tra, thẩm định mà chưa đủ điều kiện, cần điều chỉnh, bổ sung thì người sử dụng đất giảm được số lần đến huyện chỉ còn 01 lần để nộp thuế, so với trước đây là từ 04 đến 05 lần:

+ Nếu hồ sơ không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, trước đây phải đi đến huyện 04 lần như sau: 01 lần nộp hồ sơ; 01 lần đến nhận hồ sơ về sửa đổi, bổ sung; 01 lần đến nộp lại hồ sơ và 01 lần nhận kết quả.

+ Nếu hồ sơ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, trước đây phải đi đến huyện 05 lần như sau: 01 lần nộp hồ sơ; 01 lần đến nhận hồ sơ về sửa đổi, bổ sung; 01 lần đến nộp lại hồ sơ; 01 lần đến nộp thuế và 01 lần nhận kết quả.

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4:

UBND huyện phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đã cấp phát 1.800 tờ bướm tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến đến cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện theo Công văn số 35/UBND-VP ngày 24/01/2019, với tổng số 49 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (cấp huyện có 41 TTHC mức độ 3 và 06 TTHC mức độ 4; cấp xã có 02 TTHC mức độ 3). Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo, qua kết quả rà soát và cập nhật lại dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với tổng số 48 TTHC (giảm 01 TTHC, do TTHC đã được bãi bỏ theo Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng), trong đó cấp huyện có 40 TTHC mức độ 3 và 06 TTHC mức độ 4 và cấp xã có 02 TTHC mức độ 3.

- Số lượng TTHC thực hiện: Tính đến thời điểm báo cáo, tổng số TTHC hành chính thực hiện tại huyện có 399 TTHC, trong đó cấp huyện 269 TTHC và cấp xã 124 TTHC, thực hiện cơ chế một cửa là 393 TTHC và thực hiện cơ chế một cửa liên thông 03 TTHC (thuộc cấp xã).

- Kết quả giải quyết TTHC (số liệu giải quyết được tính từ ngày 16/11/2018 đến ngày 04/11/2019): Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 73.994 hồ sơ (trong đó cấp huyện 6.551 hồ sơ, cấp xã 67.443 hồ sơ); đã giải quyết đúng hạn và trước hạn 73.467/73.994 hồ sơ đã giải quyết, đạt 99,29% (trong đó cấp huyện 6.032/6.551 hồ sơ, đạt 91,94%; cấp xã 67.432/67.443 hồ sơ, đạt 99,98%), còn lại 527 hồ sơ trong hạn đang giải quyết (trong đó cấp huyện 519 hồ sơ, cấp xã 08 hồ sơ); trễ hạn 03 hồ sơ thuộc UBND xã Song Phụng về liên thông TTHC đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, nguyên nhân là do phần mềm BHYT bị lỗi dẫn đến hồ sơ trễ hạn, UBND xã cũng đã có văn bản xin lỗi, nhưng thực tế hồ sơ này giải quyết đúng thời gian quy định. Tuy nhiên qua cập nhập số liệu giải quyết TTHC trên phần mềm một cửa có 57 hồ sơ trễ hạn (trong đó cấp

huyện có 06 hồ sơ và cấp xã 51 hồ sơ), nguyên nhân do công chức chuyên môn chưa xử lý kịp thời trên phần mềm nhưng trên thực tế hồ sơ đã giải quyết đúng hạn. Đối với hạn chế này, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn chấn chỉnh giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử theo Công văn số 141/UBND-VP ngày 03/4/2019.

- Về công khai TTHC: Toàn huyện có 24/24 đơn vị gồm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai TTHC theo quy định, đạt tỷ lệ 100%. Việc niêm yết công khai được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau như: Niêm yết bản giấy trên bảng niêm yết các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của huyện, xã và tại các cơ quan, đơn vị giải quyết TTHC; công khai TTHC trên trang thông tin điện tử huyện và trên trang mạng Internet tại địa chỉ <http://dichvucong.soctrang.gov.vn> và địa chỉ <http://motcua.longphu.soctrang.gov.vn>.

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 27/9/2018 của UBND huyện về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận một cửa) thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện Long Phú và Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc sửa đổi phụ lục một số biểu mẫu ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Long Phú. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai phần mềm một cửa điện tử đến các xã, thị trấn. Đến nay, các xã, thị trấn cơ bản đã ứng dụng được phần mềm một cửa điện tử trong giải quyết TTHC tại đơn vị.

Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích: Thực hiện Quyết định số 45/2016-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, trong năm 2019, tổng số hồ sơ đăng ký nhận trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích tại huyện là 314 hồ sơ, riêng cấp xã không phát sinh hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

- Về ban hành Quy chế phối hợp: Tiếp tục thực hiện Quy chế phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh trên địa bàn huyện theo Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 12/7/2018, trong đó có 05 TTHC thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh và 19 TTHC thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã được huyện liên thông cùng cấp với đăng ký cấp mã số thuế. Kết quả trong năm 2019, đã tiếp nhận và trả kết quả được 197/200 hồ sơ, việc thực hiện Quy chế phối hợp đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân liên hệ giải quyết TTHC, vừa giảm số lần đi lại (từ 04 lần xuống còn 01 lần), vừa rút ngắn thời gian giải quyết (từ 06 ngày xuống còn 04 ngày).

- Thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính: UBND huyện đã thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đối với 92 TTHC thuộc 19 lĩnh vực theo Thông báo số 74/TB-UBND ngày 05/11/2019.

- Về tổ chức triển khai Đề án liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ mai táng phí trên địa bàn huyện.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ mai táng phí. Kết quả, trong năm 2019 đã tiếp nhận và giải quyết được 57 hồ sơ.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, với tổng số 13 cơ quan. UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát, tham mưu UBND huyện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn. Hiện nay, UBND huyện đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 13/13 cơ quan.

UBND huyện xây dựng và cập nhật, bổ sung thường xuyên đối với quy chế làm việc của UBND huyện, quy định rõ trách nhiệm và phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên UBND và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước trên địa bàn.

UBND huyện ban hành Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 về việc giao biên chế công chức, phân bổ số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Long Phú năm 2019. Tính đến thời điểm báo cáo, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện có mặt 81/88 cán bộ, công chức được giao và tổng số cán bộ, công chức cấp xã hiện có mặt 228 người (trong đó 108 cán bộ và 120 công chức).

2.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

UBND huyện quan tâm triển khai nghiêm túc, thực hiện đúng quy định trong công tác quản lý, sử dụng biên chế công chức trong cơ quan hành chính và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

UBND huyện Long Phú đã cử 264 cán bộ, công chức tham dự các lớp bồi dưỡng do tỉnh tổ chức, trong đó: Lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính 09 cho trường hợp; lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cho 35 trường hợp; lớp bồi dưỡng kiến thức An ninh - Quốc phòng đối tượng 3, khóa 67, 68, 69, 70, 71 học tại Trường Quân sự tỉnh Sóc Trăng cho 31 trường hợp; lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tối thiểu hàng năm cho 25 trường hợp; tập huấn kiến thức về giới và bình đẳng giới cho 04 trường hợp; lớp bồi dưỡng thanh tra viên cho 02

trường hợp; đăng ký nhu cầu đào tạo tiếng Khmer cho 62 trường hợp; tập huấn nghiệp vụ hướng dẫn duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 có 60 trường hợp và 36 trường hợp tham dự lớp bồi dưỡng chuyên đề cải cách hành chính và đạo đức, công vụ năm 2019.

Bên cạnh đó, UBND huyện đã phối hợp với Cơ sở Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên năm 2019 tại huyện Long Phú, mở 02 lớp với tổng số 218 học viên, trong đó:

- Lớp 1: Có 79 học viên.
- Lớp 2: Có 139 học viên, chia làm 2 lớp học gồm: Lớp 2a có 68 học viên và lớp 2b có 71 học viên.

2.5. Cải cách tài chính công

Toàn huyện có 13/13 cơ quan hành chính cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan hành chính nhà nước và 11/11 xã, thị trấn thực hiện theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP 17/10/2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan hành chính nhà nước.

Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập gồm có 50 đơn vị sự nghiệp công lập gồm: Đài Truyền thanh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, Trung tâm Văn hóa Thông tin, Trung tâm Thể dục Thể thao và 44/44 trường học trên địa bàn huyện, 49/49 đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng mức chi tăng thu nhập dựa trên mức chi tăng thu nhập bình quân. Riêng đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong sự nghiệp lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác.

Các đơn vị đều thực hiện đúng quy định về sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên; riêng sự nghiệp giáo dục và đào tạo đầu năm có đưa số tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng thu nhập cho công chức, viên chức trong đơn vị, nhưng do kinh phí hoạt động quá ít nên hầu hết các đơn vị trường học đều không tiết kiệm được để chi tăng thu nhập.

Toàn huyện có 34 đơn vị ngành và 44 trường học thực hiện ứng dụng các phần mềm quản lý tài sản, đạt tỷ lệ 100% và 11/11 đơn vị kế toán ngân sách xã đã thực hiện được phần mềm kế toán ngân sách xã, đạt tỷ lệ 100%.

2.6. Hiện đại hóa nền hành chính

2.6.1. Tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị

Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị luôn được UBND huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện, UBND huyện đã ban hành Quyết định số

18/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 về việc bổ sung thành viên Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử huyện Long Phú và ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 18/02/2019 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Long Phú năm 2019.

Hạ tầng CNTT của huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Hiện nay, các phòng, ban ngành huyện và UBND các xã, thị trấn đã trang bị cơ bản đảm bảo 01 máy vi tính/01 cán bộ, công chức, 100% máy vi tính được kết nối Internet và mạng LAN. UBND huyện đã triển khai phần mềm quản lý văn bản đến các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn, việc gửi và nhận văn bản điện tử được thực hiện từ tỉnh, huyện đến các xã, thị trấn. Đối với văn bản đi có 6.847/15.987 văn bản, đạt tỷ lệ 42,83% (trong đó, cấp huyện 4.241/7.680 văn bản, đạt tỷ lệ 55,22%; cấp xã 2.606/8.307 văn bản, đạt tỷ lệ 31,37%.

Hiện nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức ngành huyện và UBND các xã, thị trấn được cung cấp và sử dụng hộp thư điện tử với tên miền soctrang.gov.vn. Bên cạnh đó, UBND huyện cũng đã ban hành Công văn số 26/UBND-VP ngày 21/01/2019 về việc triển khai ứng dụng chữ ký số. Kết quả, trong năm 2019, với tổng số văn bản 4.088/15.987 văn bản được ký số phát hành qua hệ thống văn bản điều hành, đạt tỷ lệ 25,57%.

2.6.2. Áp dụng ISO trong hoạt động

Thực hiện Kế hoạch số 28/KH-SKHCN ngày 11/6/2018 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng về chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đang áp dụng tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015. Trên cơ sở đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 về ban hành áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng và đã chỉ đạo các phòng, ban ngành trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện việc chuyển đổi theo đúng quy định.

Để đảm bảo việc áp dụng, duy trì, cải tiến có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, ngay từ đầu năm 2019, UBND huyện đã ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2019; Công văn số 402/UBND-NV ngày 26/7/2019 về việc thực hiện nghiêm việc duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; ban hành 04 quy trình Hướng dẫn thực hiện theo Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương; ban hành Quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; thành lập Đoàn đánh giá nội bộ và xây dựng Chương trình, Kế hoạch đánh giá nội bộ năm 2019.

(Kèm theo các biểu mẫu 1B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 9B, 10B, 11B, 13B, 14).

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa huyện đã được bổ nhiệm ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên; có thâm niên công tác tối thiểu 03 năm trong ngành, lĩnh vực được phân công và đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên, qua rà soát hiện trạng công chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, một số cơ quan không có công chức đáp ứng đủ các tiêu chuẩn nêu trên, nên gặp khó khăn trong việc bố trí công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa.

- Hiện nay, mỗi chức danh công chức cấp xã chỉ có 01 người phụ trách, trường hợp công chức nghỉ hưu hoặc thôi việc thì phải có thời gian để tổ chức tuyển dụng công chức khác thay thế, nên rất khó trong việc bố trí dự phòng công chức có chuyên môn phù hợp để thay thế trong quá trình tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính.

- UBND huyện đã ban hành thông báo công bố danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, tuy nhiên đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện được, do tỉnh chưa xây dựng các biểu mẫu của bộ TTHC để cho các tổ chức, cá nhân nhập các thông tin đăng ký thực hiện TTHC trực tuyến trên môi trường mạng.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện đạt kết quả cao trong thời gian tới, UBND huyện Long Phú kiến nghị một số nội dung sau:

- Văn phòng UBND tỉnh và Sở Nội vụ xem xét, giúp cho huyện tháo gỡ khó khăn trong việc bố trí công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa huyện phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, do hiện nay công chức một số cơ quan chuyên môn chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn ngạch Chuyên viên nhưng chưa đáp ứng được tiêu chuẩn có thâm niên công tác tối thiểu 03 năm trong ngành, lĩnh vực được phân công và hướng dẫn phương án bố trí dự phòng công chức làm việc tại bộ phận một cửa của các xã, thị trấn khi công chức chuyên môn nghỉ hưu hoặc xin thôi việc.

- Sở Thông tin và Truyền thông sớm xây dựng các biểu mẫu của bộ TTHC trên phần mềm để cho các tổ chức, cá nhân nhập các thông tin đăng ký thực hiện TTHC trực tuyến trên môi trường mạng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục quan tâm triển khai thực hiện tốt 07 nhiệm vụ của công tác cải cách hành chính, quan tâm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 27/6/2014 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC; Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh; tổ chức thực hiện các Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về công tác CCHC, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong huyện đối với việc đẩy mạnh thực hiện CCHC.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến trong nội bộ và quần chúng nhân dân về công tác CCHC.

- Thực hiện kiểm tra công tác CCHC và kiểm tra công vụ tại các cơ quan, đơn vị để kịp thời chấn chỉnh; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành văn bản QPPL trên địa bàn huyện.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục thực hiện niêm yết công khai TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC và thực hiện Đề án liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí”.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và thực hiện Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tinh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sóc Trăng quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khóm; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hộp thư điện tử do UBND tỉnh cung cấp, tiếp tục triển khai thực hiện ứng dụng chữ ký số.

- Tiếp tục duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2019 trên địa bàn huyện Long Phú. / *lanh*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn;
- Đài Truyền thanh huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT - LT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Wang Cấn Vũ



Biểu mẫu 1B

Thông kê số liệu về công tác kiểm tra

thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính UBND huyện Long Phú

*(Kèm theo Báo cáo số 264 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)*

STT	Nội dung thông kê[1]	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC		11/11	11	11	11
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước		11/11	11	11	11
3	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)		09/11	09	09	09

lanh



Biểu mẫu 3B

Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại huyện Long Phú

(Kèm theo Báo cáo số 264 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 18/01/2019 của UBND huyện; Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 số 146/BC-UBND ngày 25/6/2019 của UBND huyện.
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC[1]	393	
2.1	Cấp huyện	269	Đã loại trừ 05 TTHC thuộc thẩm quyền của thị xã, thành phố)
2.2	Cấp xã	124	
2.2.1	Thị trấn Long Phú	124	
2.2.2	Thị trấn Đại Ngãi	124	
2.2.3	Xã Long Phú	124	
2.2.4	Xã Tân Hưng	124	
2.2.5	Xã Tân Thạnh	124	
2.2.6	Xã Châu Khánh	124	
2.2.7	Xã Phú Hữu	124	
2.2.8	Xã Trường Khánh	124	
2.2.9	Xã Hậu Thạnh	124	
2.2.10	Xã Song Phụng	124	
2.2.11	Xã Long Đức	124	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử[2]	393	
3.1	Cấp huyện	269	Đã loại trừ 05 TTHC thuộc thẩm quyền của thị xã, thành phố)
3.2	Cấp xã	124	
3.2.1	Thị trấn Long Phú	124	

lamb

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
3.2.2	Thị trấn Đại Ngãi	124	
3.2.3	Xã Long Phú	124	
3.2.4	Xã Tân Hưng	124	
3.2.5	Xã Tân Thạnh	124	
3.2.6	Xã Châu Khánh	124	
3.2.7	Xã Phú Hữu	124	
3.2.8	Xã Trường Khánh	124	
3.2.9	Xã Hậu Thạnh	124	
3.2.10	Xã Song Phụng	124	
3.2.11	Xã Long Đức	124	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

Landu



Biểu mẫu 4B

Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của huyện Long Phú

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
I	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	269	-	-	-	245	24	0	24	
1	Bảo trợ xã hội	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018
2	Bồi thường nhà nước	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 04/10/2018
3	Chứng thực	12	-	-	-	12	0	0	0	Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 04/5/2017. Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 03/08/2018.
4	Đăng ký đất đai	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 28/10/2015
5	Đất đai	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 09/4/2018

anh

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
6	Đất đai (Trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai)	24	-	-	-	-	24	0	24	Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 Quyết định 2852/QĐ-UBND ngày 04/10/2019
7	Đường bộ	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 14/8/2015
8	Đường thủy nội địa	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 25/4/2015
9	Gia đình	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 06/8/2018
10	Giáo dục và Đào tạo	34	-	-	-	34	0	0	0	Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 18/7/2018
11	Giải quyết khiếu nại	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
12	Giải quyết tố cáo	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
13	Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 790/QĐHC-CTUBND ngày 30/7/2014

lanh

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
14	Hộ tịch	16	-	-	-	16	0	0	0	Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 12/6/2017
15	Kế toán, kiểm toán	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
16	Lao động, tiền lương, quan hệ lao động	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 Quyết định 1697/QĐ-UBND ngày 21/6/2019
17	Lưu thông hàng hóa trong nước	12	-	-	-	12	0	0	0	Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 12/2/2018
18	Môi trường	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 07/4/2016
19	Người có công	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 16/4/2018
20	Phòng, chống tham nhũng	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017

lengk

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
21	Quy hoạch xây dựng	11	-	-	-	11	0	0	0	Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 Quyết định số 797/QĐHC-CTUBND ngày 14/8/2012 Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
22	Thành lập và hoạt động hợp tác xã	16	-	-	-	16	0	0	0	Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 17/9/2019
23	Thành lập và hoạt động Hộ kinh doanh	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 19/9/2019
24	Thi đua khen thưởng	8	-	-	-	8	0	0	0	Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 11/10/2018
25	Thư viện	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 06/8/2018
26	Tiếp công dân	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
27	Tôn giáo	8	-	-	-	8	0	0	0	Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 13/3/2018

Handwritten signature

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
28	Tổ chức phi chính phủ	16	-	-	-	16	0	0	0	Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 23/11/2015
29	Tổ chức - Biên chế	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 07/12/2015
30	Văn hoá quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 29/01/2015
31	Viễn thông và internet	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
32	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 03/05/2019
33	Xây dựng	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 790/QĐHC-CTUBND ngày 30/7/2014
34	Xuất bản, in và phát hành	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 03/05/2019
35	Xử lý đơn thư	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017

leuk

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
36	Phòng, chống tệ nạn xã hội	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018
37	Phổ biến, giáo dục pháp luật	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 21/3/2018
38	Quản lý công sản	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 14/6/2018
39	Đấu thầu	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 6/7/2018
40	Quản lý hoạt động xây dựng	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 22/8/2018
41	Kinh doanh khí (Khí dầu mỏ hoá lỏng LPG)	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 24/8/2018
42	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 28/12/2018

tmk

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
43	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 08/10/2019
43	Văn hóa	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 20/9/2019
44	Tài nguyên nước	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 10/4/2019
45	Thủy Sản	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 22/7/2019
46	Đăng ký biện pháp bảo đảm	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 29/5/2019
47	Hòa giải ở cơ sở	1				1	0	0	0	Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 06/8/2019

lank

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
II	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã[3]	124	-	-	-	121	3	3	0	
1	Hộ tịch	20	-	-	-	17	3	3	0	Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 13/8/2019
2	Nuôi con nuôi	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 Quyết định 1605/QĐ-UBND ngày 11/6/2019
3	Chứng thực	11	-	-	-	11	0	0	0	Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 03/8/2018
4	Giải quyết khiếu nại	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
5	Giải quyết tố cáo	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017

Handwritten signature

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
6	Tiếp công dân	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
7	Xử lý đơn thư	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
8	Phòng, chống tham nhũng	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
9	Bồi thường nhà nước	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 04/10/2018
10	Giáo dục và đào tạo	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 16/7/2018
11	Thư viện	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016
12	Thể dục thể thao	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016

trần

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
13	Môi trường	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 Quyết định 875/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 12/3/2018.
14	Thi đua khen thưởng	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 2671/QĐ-UBND ngày 11/10/2018
15	Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 Quyết định 1807/QĐ-UBND ngày 01/7/2019
16	Tôn giáo	10	-	-	-	10	0	0	0	Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
17	Đất đai	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 09/4/2018
18	Đường thủy nội địa	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 25/4/2015

anh

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
19	Phòng, chống tệ nạn xã hội	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
20	Người có công	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
21	Bảo trợ xã hội	8	-	-	-	8	0	0	0	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 05/4/2018
22	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
23	Phát triển công nghiệp và thương mại địa phương	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
24	Hành chính tư pháp	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
25	Trồng trọt	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 6/02/2018

Đinh

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
26	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 09/10/2019
27	Phòng chống thiên tai	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 09/10/2019
28	Phổ biến, giáo dục pháp luật	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 21/3/2018
29	Văn hóa	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 22/7/2019
30	Đăng ký biện pháp bảo đảm	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 29/5/2019
31	Chính sách	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 3648/QĐ-BQP ngày 04/9/2018
32	Hòa giải ở cơ sở	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 06/8/2019
Tổng số = (I) + (II)		393				366	27	0	24	

lưu

**Biểu mẫu 5B****Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính
cho người dân, doanh nghiệp huyện Long Phú**

(Kèm theo Báo cáo số 26A/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	6.551	431	6.120	6.032	6.032		519	519		
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã[3]	67.443	76	67.409	67.435	67.432	3	8	8		
1	Thị trấn Long Phú	9.984	2	9.982	9.978	9.978		6	6		
2	Thị trấn Đại Ngãi	4.376	28	4.348	4.376	4.376					
3	Xã Long Phú	13.492		13.492	13.492	13.492					
4	Xã Tân Hưng	3.252		3.252	3.250	3.250		2	2		
5	Xã Tân Thạnh	9.262		9.262	9.262	9.262					
6	Xã Châu Khánh	2.164		2.164	2.164	2.164					
7	Xã Phú Hữu	1.812		1.812	1.812	1.812					
8	Xã Trường Khánh	7.998		7.998	7.998	7.998					

lanh

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
9	Xã Hậu Thạnh	3.329	4	3.325	3.329	3.329					
10	Xã Song Phụng	2.363		2.363	2.363	2.360	3				
11	Xã Long Đức	9.411	42	9.411	9.411	9.411					
Tổng số = (I) + (II)		73.994	507	73.529	73.467	73.464	3	527	527		



Biểu mẫu 6B

Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại huyện Long Phú

(Kèm theo Báo cáo số 264 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019

của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[1]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[4]			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[5]					
I	UBND cấp huyện	13	Không					28	-1			81	-3		4	
1	Lãnh đạo UBND huyện			3	Không							3				
2	Văn phòng HĐND và UBND huyện							3				17				Gồm: Thường trực HĐND, các Ban HĐND và Văn phòng HĐND và UBND huyện
3	Phòng Nội vụ							2				6				
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội							2				4	-1		1	
5	Phòng Y tế							1				2				
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường							3				5			1	
7	Thanh tra huyện							2				5				
8	Phòng Tư pháp							2				4				
9	Phòng Kinh tế và Hạ tầng							1	-1			5	-1		1	
10	Phòng Văn hóa và Thông tin							3				5				

Long Phú

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[1]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[4]			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[5]					
11	Phòng Dân tộc							1				2				
12	Phòng Giáo dục và Đào tạo							3				8				
13	Phòng Nông nghiệp và PTNT							2				6				
14	Phòng Tài chính - Kế hoạch							3				9	-1		1	
II	UBND cấp xã	11	Không					25	+4			228	+1		12	
1	Thị trấn Long Phú							3				22			1	01 CA CQ
2	Thị trấn Đại Ngãi							2	+1			18				01 CA CQ
3	Xã Long Phú							3	+1			22			3	
4	Xã Tân Hưng							2	+1			22			1	01 CA CQ
5	Xã Tân Thạnh							2	+1			20	+1			01 CA CQ
6	Xã Châu Khánh							2				21				01 CA CQ
7	Xã Trường Khánh							3				23				01 CA CQ
8	Xã Long Đức							3				22				
9	Xã Song Phụng							2				20			3	01 CA CQ
10	Xã Hậu Thạnh							2				20			1	
11	Xã Phú Hữu							1				18	-1		3	01 CA CQ
Tổng số = (I) + (II)		24	Không	3	Không			53	+3			309	+2		16	

lưu

**Biểu mẫu 7B****Thông kê số liệu về CBCCVC tại huyện Long Phú**

(Kèm theo Báo cáo số 264 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng[1] CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB, CC, VC[2]	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo[3]	Bồi dưỡng nghiệp vụ[4]	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng[5]	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên[6]		TX[7]	TH[8]
I	UBND huyện	81	Không			80		Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/02/2019 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2019				1	2		107	354	46
II	UBND cấp xã	227	Không			184		Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/02/2019 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2019	9					1	2	46	16
TỔNG CỘNG		308				264			9			1	2	1	109	400	62

Leanh



Biểu mẫu 9B

Thông kê số liệu về cải cách tài chính công tại huyện Long Phú

*(Kèm theo Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)*

STT	Nội dung thông kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	24	Không	24/24 cơ quan, đơn vị (trong đó 13 cơ quan chuyên môn và 11 xã, thị trấn)
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	51	Không	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	1		
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên			
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	50		

leanh

Thông kê số liệu v

Trapo d

(Kèm theo Báo cáo số 264 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Lamb

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
9	Xã Hậu Thạnh	184	184	51	51	2								
10	Xã Song Phụng	735	650	44	694	2								
11	Xã Long Đức	2.461	768	1.693	24	2								
Tổng		15.987	12.939	6.847	7.651	42	2.877	2.875	2	6				

lank

**Biểu mẫu 11B****Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ
bưu chính công ích (BCCI) tại huyện Long Phú**

(Kèm theo Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	UBND cấp huyện	19	2	17	Theo Công văn số 376/UBND-VP ngày 16/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện
II	UBND cấp xã[1]	3	0	0	
1	Thị trấn Đại Ngãi	3	0	0	
2	Thị trấn Long Phú	3	0	0	
3	Xã Long Phú	3	0	0	
4	Xã Tân Hưng	3	0	0	
5	Xã Tân Thạnh	3	0	0	
6	Xã Trường Khánh	3	0	0	
7	Xã Châu Khánh	3	0	0	
8	Xã Phú Hữu	3	0	0	
9	Xã Hậu Thạnh	3	0	0	
10	Xã Song Phụng	3	0	0	
11	Xã Long Đức	3	0	0	
Tổng (I) + (II)		22	2	17	

Biểu mẫu 13B



**Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng
theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại UBND huyện**
(Kèm theo Báo cáo số 204 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	11/11	Đã thực hiện chuyển đổi Hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	11/11	
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	01	UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 về việc công bố Hệ thống QLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	02	UBND huyện ban hành Chương trình đánh giá nội bộ năm 2019 và Kế hoạch đánh giá nội bộ năm 2019, thời gian tổ chức đánh giá vào cuối tháng 11/2019.

lunh

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng		Sau khi có kết quả đánh giá nội bộ, sẽ tiến hành họp xem xét của lãnh đạo và ban hành Quyết định công bố lại theo quy định.
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	04	UBND huyện đã ban hành 04 quy trình hướng dẫn theo Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương.
5	Nội dung khác		

lành



Biểu mẫu 14

Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết

đơn thư khiếu nại, tố cáo

(Kèm theo Báo cáo số 264 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú[1]
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng số	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết[2]			
I	Cấp huyện	6	4	2	1		03 trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng hồ sơ không đảm bảo điều kiện xử lý
II	Cấp xã	Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo					

lamb